

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SXTM LAAD
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ SXTM LAAD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110853378

3. Ngày thành lập: 03/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, Ngách 83, Ngõ 13 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967236690

Fax:

Email: laadconstruction.co.ltd@gmail.com Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
4.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
5.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
7.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10.	Phá dỡ (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4311
11.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất	7410
12.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
13.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
14.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
15.	Xây dựng công trình điện	4221
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
23.	Quảng cáo (Trừ các quảng cáo bị cấm)	7310
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị	7320
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; - Khảo sát xây dựng; - Thiết kế xây dựng công trình; - Giám sát thi công xây dựng công trình - Thăm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Tư vấn đấu thầu	7110
28.	Trồng lúa	0111
29.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
30.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
31.	Trồng cây mía	0114
32.	Trồng cây lấy sợi	0116
33.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
34.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
35.	Trồng cây hàng năm khác	0119
36.	Trồng cây ăn quả	0121
37.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
38.	Trồng cây điều	0123
39.	Trồng cây hồ tiêu	0124
40.	Trồng cây cao su	0125
41.	Trồng cây cà phê	0126
42.	Trồng cây chè	0127

43.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
44.	Trồng cây lâu năm khác	0129
45.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
46.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
47.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
48.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
49.	Chăn nuôi gia cầm	0146
50.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
51.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
52.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
53.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
55.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
56.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
57.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
58.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
59.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công khuôn mẫu	2592
61.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
62.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
63.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
66.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
67.	Bán buôn thực phẩm	4632
68.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
69.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
71.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
72.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
76.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

77.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, sung, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
78.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
79.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
80.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
81.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
82.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4931
83.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4932
84.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
85.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
86.	Bốc xếp hàng hóa Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không	5224
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; đại lý bán vé tàu hỏa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	5229
89.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
90.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Trừ hoạt động của các quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường	5610
91.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
92.	Dịch vụ ăn uống khác Trừ hoạt động của các quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường	5629
93.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Trừ hoạt động của các quán bar, phòng hát karaoke, sàn nhảy, vũ trường	5630
94.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí, thông tấn)	6312
95.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, hoạt động pháp lý của luật sư)	6619

96.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
97.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (trừ tư vấn pháp lý)	6820
98.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, hoạt động pháp lý của luật sư)	7020
99.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
100.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
101.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
103.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
104.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
105.	Đại lý du lịch	7911
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
108.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
109.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
110.	Giáo dục nhà trẻ	8511
111.	Đào tạo sơ cấp	8531
112.	Đào tạo trung cấp	8532
113.	Đào tạo cao đẳng	8533
114.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
115.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể	8559
116.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
117.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN TRỌNG HẢI	Việt Nam	P5-B11 Tập thể LHXD, Số 1 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	001090029786	
2	TẠ VIỆT HÙNG	Việt Nam	Số 31, Ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	017090000190	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: TA VIẾT HÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/09/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017090000190

Ngày cấp: 02/12/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 31, Ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 31, Ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội